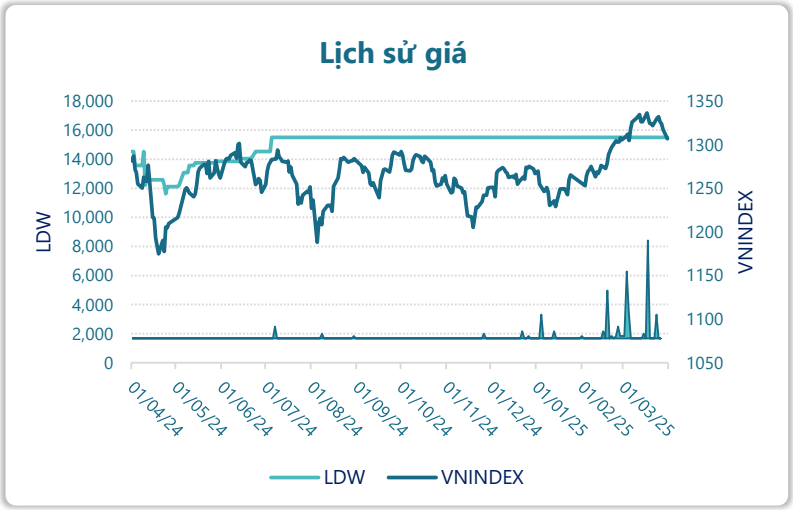
FireAnt

CTCP Cấp thoát nước Lâm Đồng (UPCOM: LDW)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**15,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,625
SL cổ phiếu LH	78,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,221
P/E	12.7
EPS	1,217

DT thuần

Q1/25

80.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.40| 8.6%

YoY: ▼1.80| -2.2%

LN sau thuế

Q1/25

21.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.20| -16.0%

YoY: ▼4.30| -16.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

42.9%

+/- YoY: ▲ 5.0%

DT thuần

2024

320

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 23.0| 7.6%

LN sau thuế

2024

99.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 20.6| 26.1%

ROE

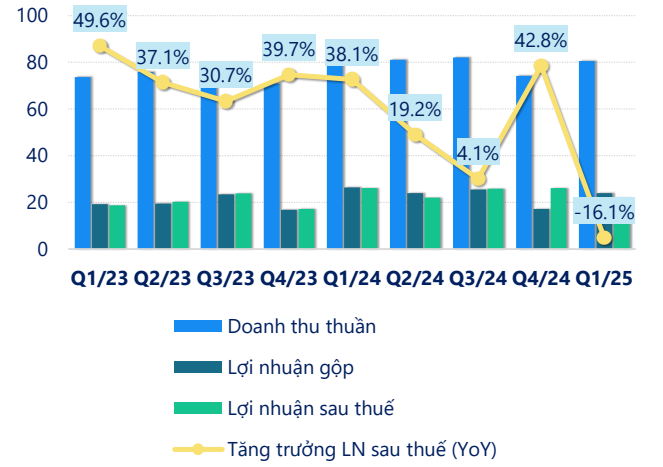
2024

10.5%

+/- YoY: ▲ 1.9%

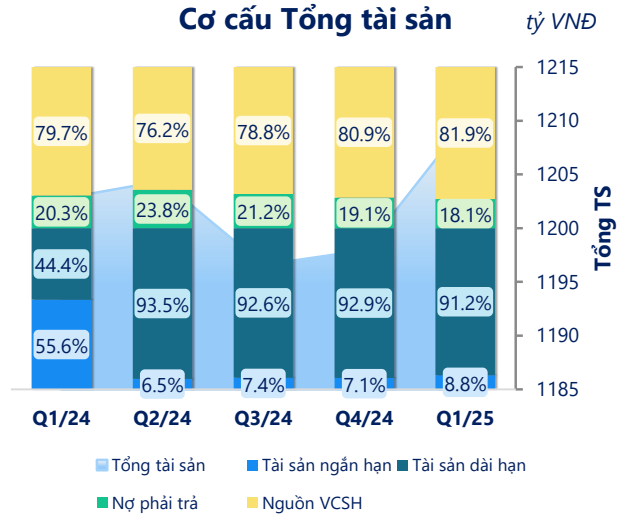
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



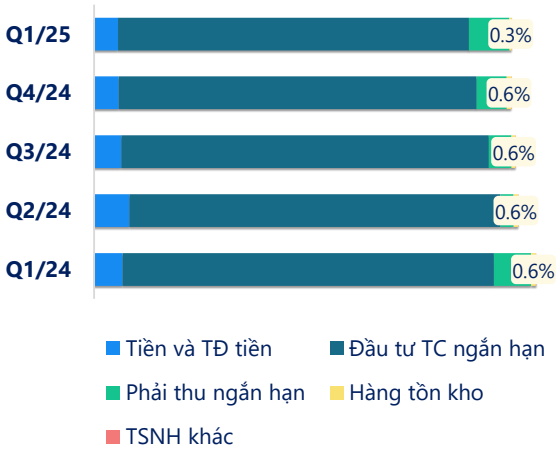
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



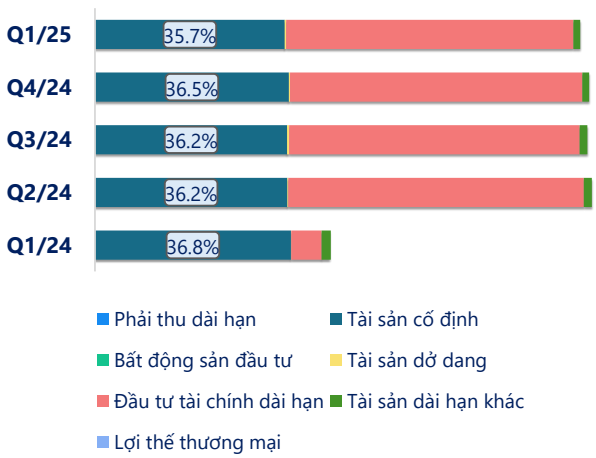
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



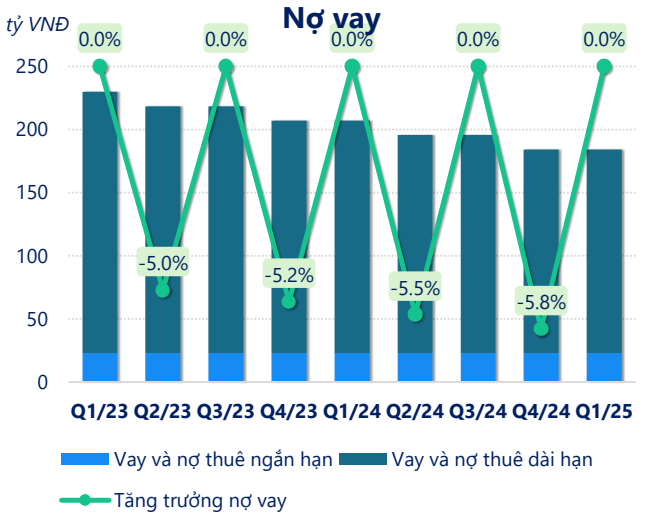
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



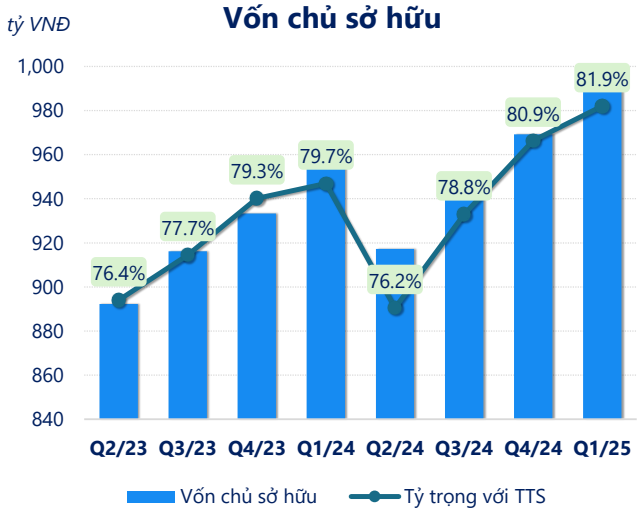
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



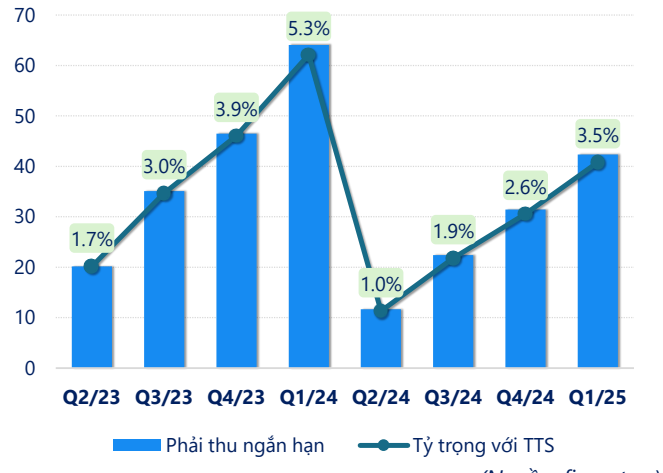
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



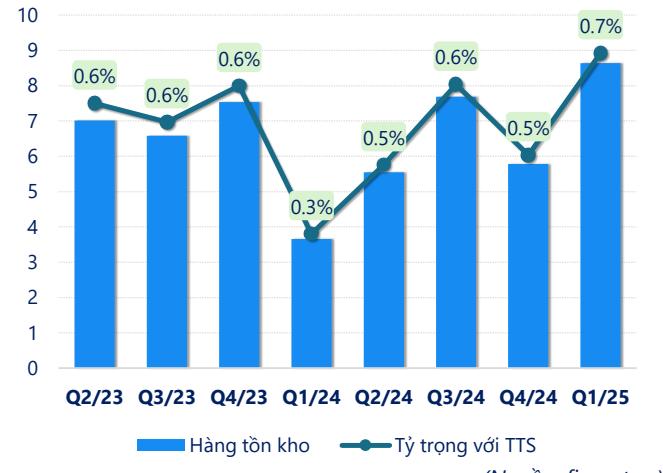
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



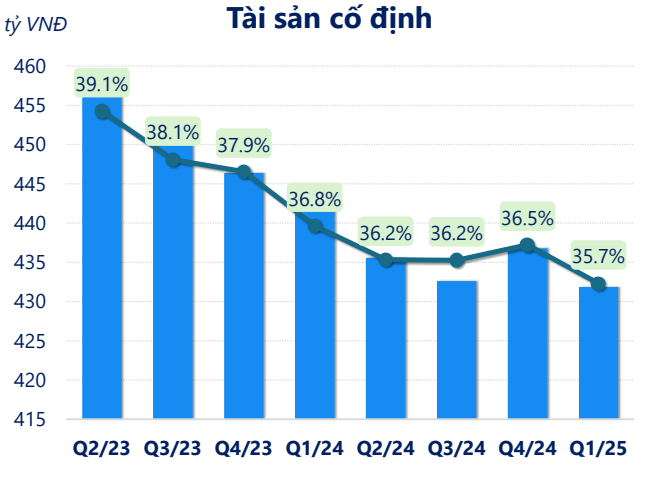
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



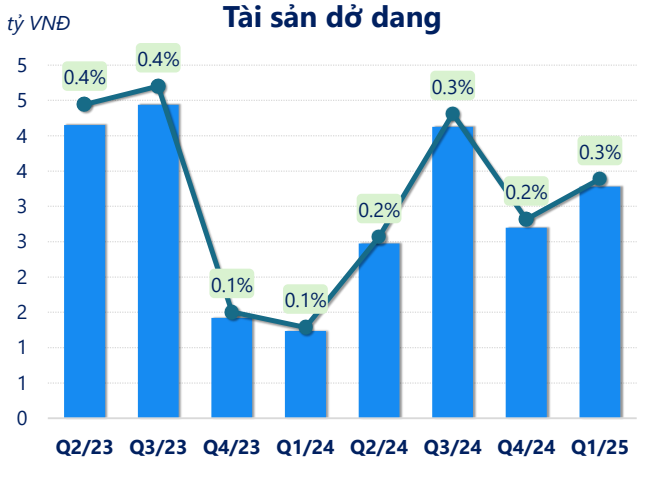
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



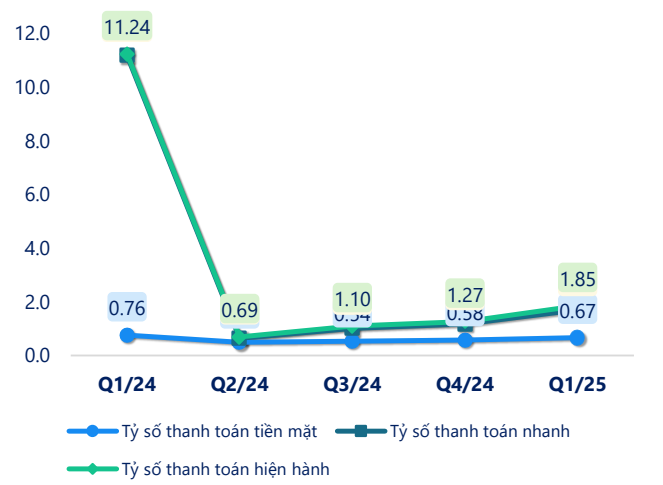
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**1,203**	**1,204**	**1,197**	**1,198**	**1,210**
Tài sản ngắn hạn	**669**	**78.8**	**88.3**	**84.6**	**106**
Tiền và tương đương tiền	45.2	56.0	42.9	38.6	38.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	556	4.83	14.8	8.84	15.8
Phải thu ngắn hạn	64.1	11.7	22.4	31.4	42.4
Hàng tồn kho	3.66	5.54	7.69	5.78	8.64
Tài sản ngắn hạn khác	0.40	0.75	0.46	0	1.02
Tài sản dài hạn	**534**	**1,126**	**1,108**	**1,113**	**1,104**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	443	436	433	437	432
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.24	2.47	4.13	2.70	3.28
Đầu tư tài chính dài hạn	68.3	669	654	658	653
Tài sản dài hạn khác	21.0	18.3	17.9	15.6	15.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**244**	**287**	**254**	**229**	**219**
Nợ ngắn hạn	**59.6**	**114**	**80.2**	**66.8**	**57.3**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	22.8	22.8	22.8	22.8	22.8
Phải trả người bán ngắn hạn	13.3	13.7	19.2	12.6	12.9
Nợ dài hạn	185	173	173	162	162
Vay và nợ thuê dài hạn	184	173	173	161	161
Nguồn vốn chủ sở hữu	**958**	**917**	**943**	**969**	**991**
Vốn chủ sở hữu	**958**	**917**	**943**	**969**	**991**
Vốn điều lệ	788	788	788	788	788
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)